

Số/No: 133 /2025/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Hanoi, 24 November 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**

- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **21/11/2025**

- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,130,305,000	98.82%
1	ACB	3,200	6.94%
2	BMP	100	1.37%
3	CTD	200	1.50%
4	CTG	500	2.15%
5	FPT	1,800	15.58%
6	GMD	1,100	6.02%
7	HDB	1,500	4.17%
8	KDH	1,400	4.24%
9	MBB	2,900	5.92%
10	MSB	1,600	1.70%
11	MWG	2,100	14.87%
12	NLG	1,400	4.33%
13	OCB	500	0.54%
14	PNJ	1,100	8.44%
15	REE	700	4.13%
16	TCB	2,900	8.77%
17	TPB	1,100	1.66%
18	VPB	2,600	6.49%
II. Tiền/Cash		13,451,240	1.18%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,143,756,240	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,130,305,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,143,756,240 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: 13,451,240 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có) / In case stock can be replaced by cash:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied investors	Lý do/ State the Reason
FPT	108,900	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /Restrictions on investment in related person shares
TPB	18,975	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 21/11/2025(*)	Kỳ trước/ Last period 20/11/2025(**)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,600,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,850	11,850	-
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	64,050,349,465	58,593,763,737	5,456,585,728
của một lô ETF/per Creation Unit	1,143,756,240	1,148,897,328	-5,141,088
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,437.56	11,488.97	-51.41
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,563.34	2,565.30	-1.96

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 20/11/2025/Item 5 is net asset value calculated as at November 20, 2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/11/2025/Item 5 is net asset value calculated as at November 19, 2025

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company

